TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lem;

2. Ông Nguyễn Thanh Khoa.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trương Tấn C**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Bà **Đoàn Thị T**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản khai; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Trương Tấn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đoàn Thị T kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/5/2013. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vã; bà T hay tự ý bỏ nhà đi, không lo cho gia đình; không tôn trọng cha mẹ ông và ông; tự ý tiêu xài, không hỏi ý kiến ông, muốn làm gì thì làm. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà T nên xin được ly hôn.

Về con chung: Bà và bà T có 01 con chung tên Trương Đoàn Tấn V, sinh ngày 27/9/2010. Sau khi ly hôn, ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà T không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên ông xin vắng mặt trong vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa ông và bà T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn bà T đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình chung sống, giữa ông C và bà T có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C, ông C được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông C và bà T có 01 con chung tên Trương Đoàn Tấn V, sinh ngày 27/9/2010. Khi ly hôn, ông C xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, con chung hiện đang sống chung với ông C, do ông C trực tiếp nuôi dưỡng; nguyện vọng của con chung là muốn sống với ông C; Tòa án đã nhiều lần mời bà T đến để giải quyết vấn đề con chung nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến. Do đó, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, giao con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận ông C không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C khai không có; bà T vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông C nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ông Trương Tấn C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn và con chung với bà Đoàn Thị T, bà T đang cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn ông C và bị đơn bà T.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Ông C và bà T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/5/2013 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, theo ông C trình bày thì giữa ông và bà T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi vả; bà T hay tự ý bỏ nhà đi, không lo cho gia đình; không tôn trọng cha mẹ ông và ông; tự ý tiêu xài, không hỏi ý kiến ông, muốn làm gì thì làm; ông bà đã sống ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời ông C và bà T đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm để ông bà hàn gắn nhưng ông C xác định không còn tình cảm với bà T và kiên quyết xin ly hôn, bà T đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy, trong quá trình chung sống, giữa ông C và bà T đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời ông C và bà T đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm để ông bà hàn gắn nhưng ông C xác định không còn tình cảm với bà T và kiên quyết xin ly hôn; bà T đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện bà T đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa bà và ông C. Mặt khác, ông C và bà T đã sống ly thân một thời gian dài nhưng đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của ông C và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C, ông C được ly hôn với bà T.

[4] Về con chung:

Ông C và bà T có 01 con chung tên Trương Đoàn Tấn V, sinh ngày 27/9/2010. Khi ly hôn, ông C xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi ông C và bà T sống ly thân đến nay, con chung sống chung với ông C, do ông C trực tiếp nuôi dưỡng; nguyện vọng của con chung là muốn sống với ông C. Tòa án đã nhiều lần mời bà T đến để giải quyết vấn đề con chung nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông C. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, sau khi ly hôn giao con chung cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông C không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

Ông C khai không có; bà T vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông C nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông C phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 277, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Tấn C:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Tấn C được ly hôn với bà Đoàn Thị T.

- Về con chung: Ông Trương Tấn C và bà Đoàn Thị T có 01 con chung tên Trương Đoàn Tấn V, sinh ngày 27/9/2010. Sau khi ly hôn, ông Trương Tấn C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; ghi nhận ông Trương Tấn C không yêu cầu bà Đoàn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Đoàn Thị T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trương Tấn C trình bày không có; bà Đoàn Thị T vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trương Tấn C nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Trương Tấn C phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004947 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông Trương Tấn C đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến